

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833603] - Hệ thống quản lý tòa
nhà (CCQ2315C)

CBGD: Bùi Quốc Thạch (280041)

Số SV có mặt: 18...

Số bài thi:18...

Số tờ giấy thi: 18...

(Signatures of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123150100	Mao Văn Cao	31/10/2005	CCQ2315C		CAO	7,7	8,5	8,2
2	2122050117	Nguyễn Văn Chương	16/12/2004	CCQ2205D		thanh.	7,6	8,0	7,8
3	2123150074	Vũ Huy Đà	23/03/2005	CCQ2315C		D	8,1	8,0	8,0
4	2123150087	Dương Thanh Đan	03/02/2003	CCQ2315C					
5	2123150076	Nguyễn Trịnh Phát Đạt	28/08/2005	CCQ2315C		D	7,2	7,5	7,4
6	2123150075	Nguyễn Đức Duy	08/07/2005	CCQ2315C		Duy	7,8	8,5	8,2
7	2123150090	Phạm Thế Duy	05/12/2005	CCQ2315C		Ph	7,7	7,5	7,6
8	2123150082	Võ Tùng Duy	24/04/2005	CCQ2315C		Duy	8,1	8,0	8,0
9	2123150096	Trần Hoàng	24/05/2005	CCQ2315C		HO	8,4	8,5	8,5
10	2123150083	Nguyễn Xuân Hùng	29/12/2005	CCQ2315C		Hung	8,3	8,0	8,1
11	2123150095	Trần Vũ Quang Huy	13/09/2005	CCQ2315C		H	8,1	9,0	8,6
12	2123150099	Bùi Tấn Lộc	02/09/2003	CCQ2315C		lộc	7,0	7,5	7,3
13	2123150060	Huỳnh Nhựt Phong	19/08/2005	CCQ2315A					
14	2123150078	Huỳnh Văn Phú	21/03/2005	CCQ2315C		Phú	7,5	8,0	7,8
15	2123150079	Nguyễn Thị Bích Quyên	22/01/2005	CCQ2315C		Quyên	9,3	9,5	9,4
16	2123150089	Cao Tấn Tài	16/01/2005	CCQ2315C		Tài	9,1	9,5	9,3
17	2123150085	Trần Quốc Thịnh	21/02/2005	CCQ2315C		T	8,1	8,0	8,0
18	2123150091	Nguyễn Xuân Thuyết	10/01/2003	CCQ2315C		Th	7,6	7,5	7,5
19	2123150077	Nguyễn Phan Bảo Trọng	21/07/2005	CCQ2315C		Trọng	7,8	8,3	8,1
20	2123150084	Nguyễn Ngọc Tuyên	13/05/2004	CCQ2315C		T	8,1	8,0	8,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833601] - Hệ thống quản lý tòa nhà (CCQ2315A)

CBGD: Bùi Quốc Thạch (280041)

Số SV có mặt: 15...

Số bài thi:15...

Số tờ giấy thi: 15...

(Handwritten signatures of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123150034	Nguyễn Văn Cảnh	Cảnh	11/04/2005	CCQ2315A		Cảnh	6,0	7,0	6,6
2	2123150030	Nguyễn Thành Đạt	Đạt	17/08/2005	CCQ2315A					
3	2123150036	Võ Hồ Bảo Duy	Duy	14/06/2005	CCQ2315A		Duy	9,0	9,3	9,2
4	2123150020	Đoàn Hoàng Hiệp	Hiệp	12/11/2005	CCQ2315A		Hiệp	7,1	7,0	7,0
5	2123150019	Lê Văn Hưng	Hưng	13/01/2005	CCQ2315A		Hưng	7,6	8,3	8,0
6	2123150007	Lê Thanh Huy	Huy	28/03/2005	CCQ2315A					
7	2123150003	Phạm Duy Khanh	Khanh	07/05/2004	CCQ2315A		Khanh	6,0	6,9	6,3
8	2123150029	Trương Tuấn Kiệt	Kiệt	28/01/2005	CCQ2315A		Kiệt	7,2	7,9	7,4
9	2123150037	Trần Hoài Linh	Linh	13/09/2005	CCQ2315A		Linh	6,8	6,5	6,6
10	2123150021	Nguyễn Thành Lộc	Lộc	08/05/2003	CCQ2315A					
11	2123150023	Tô Hữu Lực	Lực	29/01/2005	CCQ2315A		Lực	7,2	7,0	7,1
12	2123150014	Nguyễn Hồng Nhật	Ngật	01/06/2005	CCQ2315A		Ngật	7,8	7,9	7,6
13	2123150012	Võ Văn Phát	Phát	07/07/2005	CCQ2315A					
14	2123150005	Đỗ Văn Phú	Phú	05/10/2005	CCQ2315A		Phú	9,0	9,3	9,2
15	2123150013	Võ Hồng Phúc	Phúc	30/11/2005	CCQ2315A		Phúc	7,8	8,3	8,1
16	2123150016	Trần Ngọc Thanh	Thanh	29/12/2005	CCQ2315A					
17	2123150025	Khúc Văn Tiến	Tiến	05/10/2005	CCQ2315A		Tiến	7,2	7,0	7,1
18	2123150008	Nguyễn Chí Tiến	Tiến	09/04/2005	CCQ2315A		Tiến	8,2	8,0	8,1
19	2123150017	Phạm Minh Trường	Trường	17/01/2003	CCQ2315A		Trường	9,0	9,9	9,3
20	2123150024	Võ Anh Tuấn	Tuấn	19/11/2005	CCQ2315A		Tuấn	7,6	7,9	7,5